

Số: 23 /TB-PTHADS (KV7)

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 được sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 19/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp,

Xét hồ sơ năng lực nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng THADS Khu vực 7 – Lâm Đồng) của Công ty đấu giá hợp danh Trung Nam; địa chỉ: 11 Tú Xương, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk), Chi nhánh tại tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng)

Ngày 18/6/2025 Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng THADS Khu vực 7 – tỉnh Lâm Đồng) đã có thông báo công khai số 425/TB-CCTHADS về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá để bán đấu giá các tài sản mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã kê biên của ông Ma Văn Hữu, bà Trần Thị Thoa.

Tài sản đấu giá gồm:

1. Thửa đất số 109; tờ bản đồ 88; diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3001.7 m²; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đến năm 2051; đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp GCNQSDĐ số CR 913039 ngày 13/9/2019 đứng tên ông Lê Văn Lộc, bà Nguyễn Thị Vân (ông Ma Văn Hữu nhận chuyển nhượng ngày 23/3/2021). Và tài sản trên đất

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá thẩm định: **303.402.000** đồng.

2. + Thửa đất số 105; tờ bản đồ 88; diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11470.1 m²; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đến năm 2064; đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp GCNQSDĐ số CO 972967 ngày 25/10/2018 đứng tên ông Lê Văn Lộc, bà Nguyễn Thị Vân (ông Ma Văn Hữu nhận chuyển nhượng ngày 23/3/2021). Và tài sản trên đất.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá thẩm định: **1.068.937.000** đồng.

* Giá khởi điểm: **1.372.339.000** đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Đến nay đã hết thời gian đăng ký lựa chọn tổ chức đấu giá và chỉ có 01 đơn vị nộp hồ sơ là: Công ty đấu giá hợp danh Trung Nam; địa chỉ: 11 Tú Xương, phường

Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk), Chi nhánh tại tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng) có đầy đủ các tiêu chí tham gia đấu giá theo yêu cầu đăng ký đấu giá.

Vậy, Chấp hành viên Phòng THADS Khu vực 7 – tỉnh Lâm Đồng lựa chọn Công ty đấu giá hợp danh Trung Nam có địa chỉ như đã nêu trên để bán đấu giá các tài sản Chấp hành viên đã kê biên của ông Ma Văn Hữu, bà Trần Thị Thoa theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- THADS tỉnh Đắk Nông (để đăng tải)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS THA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Thạch Văn Hải

BẢNG CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ

Công ty Đấu giá hợp danh Trung Nam

TT	NỘI DUNG	Mức tối đa	Số điểm đạt được	Ghi chú
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	18,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0	
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0	
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 phiên đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	0,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0	



1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0	
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	54,0	
1	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	15,0	
1.1	Dưới 20 phiên đấu giá	12,0		
1.2	Từ 20 phiên đấu giá đến dưới 40 phiên đấu giá	13,0		
1.3	Từ 40 phiên đấu giá đến dưới 70 phiên đấu giá	14,0		
1.4	Từ 70 phiên đấu giá trở lên	15,0	15,0	
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	7,0	
2.1	Dưới 10 phiên đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
2.2	Từ 10 phiên đấu giá thành đến dưới 30 phiên đấu giá thành	5,0		
2.3	Từ 30 phiên đấu giá thành đến dưới 50 phiên đấu giá thành	6,0		
2.4	Từ 50 phiên đấu giá thành trở lên	7,0	7,0	107 cuộc
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế phiên đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	7,0	

3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	4,0		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0	104 cuộc
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0	3,0	15 cuộc chênh lệch từ 10% trở lên
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0	7,0	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	7,0	
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	4,0	
6.1	01 đấu giá viên	2,0		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	3,0	04 đấu giá viên
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0		
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	4,0	4,0	



7.1	Dưới 05 năm	2,0		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0	
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	5,0	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0		
8.2	Từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0		
8.3	Từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0	5,0	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	3,0	20 triệu đồng
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0		
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	8,0	
	Tổng số điểm (I+II+III+IV+V)	100	96	



CHẤP HÀNH VIÊN

Thạch Văn Hải